



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 8 In the village · Lesson 2-3 (SGK tr. 35-36)



Tuần 15

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Mẫu: Vv Vv Vv

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Vv).

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



illage



olleyball



uice



am



bo

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

an (xe tải nhỏ)

illage (làng)

raw (vẽ)

Bài 4: Match – nối hình với từ



•

•

volleyball



•

•

box



•

•

jam



•

•

juice



•

•

village

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. Can you draw a van? •

• a. Không, tôi không làm được.

2. Yes, I can. •

• b. vẽ

3. No, I can't. •

• c. Bạn vẽ được xe tải không?

4. draw •

• d. Vâng, tôi làm được.

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Can you draw a van? – Yes, I .

(A) can't (B) can

2. Can you draw a box? – No, I .

(A) can't (B) can

3. draw nghĩa là gì?

(A) vẽ (B) nhìn (C) đưa



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 15

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Vv

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối



- village



- volleyball



- juice



- jam



- box

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

van (xe tải nhỏ)

village (làng)

draw (vẽ)

Bài 4: Match – nối hình với từ



- village



- volleyball



- juice



- jam



- box

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 - c

2 - d

3 - a

4 - b

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. B (can)

2. A (can't)

3. A (vẽ)

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án



Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5